

**THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai từ Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai**

(Kèm theo công văn số /BTC-CST ngày /5/2024 của Bộ Tài chính)

Bộ Tài chính nhận được công văn số 1663/BTNMT-CĐKDLTTĐĐ ngày 19/3/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (TNMT) đề nghị xây dựng Thông tư quy định thu phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai từ Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai.

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH THÔNG TƯ**

- Tại điểm g khoản 5 Điều 166 Luật Đất đai 2024 quy định: “*Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai từ Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai*”.

- Tại Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 05/3/2024 giao: *Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai. Thời hạn ban hành: Tháng 5/2024.*

- Ngày 19/3/2024, Bộ TNMT đã có công văn số 1663/BTNMT-CĐKDLTTĐĐ đề nghị xây dựng Thông tư quy định thu phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai từ hệ thống thông tin quốc gia về đất đai.

Ngày 10/4/2024, Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai đã có công văn số 454/CĐKDLTTĐĐ-TTDLTTĐĐ hoàn thiện Đề án thu phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai.

Từ căn cứ trên, cần thiết xây dựng và ban hành Thông tư quy định thu phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai từ Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG THÔNG TƯ**

**1. Mục đích**

Việc ban hành Thông tư quy định thu phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai từ Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai bảo đảm mục đích:

- Bảo đảm chính sách thu phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai đồng bộ, thống nhất với pháp luật về đất đai.

- Góp phần cơ bản bù đắp chi phí phục vụ hoạt động đăng ký và thu phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai từ Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai.

## 2. Quan điểm

- Nội dung Thông tư phải phù hợp với quy định pháp luật phí và quản lý thuế và pháp luật về đất đai.
- Mức phí phải tuân thủ theo đúng nguyên tắc xác định mức thu phí quy định trong Luật Phí và lệ phí, phù hợp với công việc thu phí, cơ bản bù đắp chi phí phát sinh.

## III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG DỰ THẢO THÔNG TƯ

Dự thảo Thông tư có 07 Điều quy định về: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng (Điều 1); Người nộp phí (Điều 2); Tổ chức thu phí (Điều 3); Mức thu phí (Điều 4); Kê khai, thu, nộp phí (Điều 5); Quản lý và sử dụng phí (Điều 6); Điều khoản thi hành (Điều 7).

### 1. Tên Thông tư, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- Theo quy định tại điểm 7.2 Mục IX Danh mục phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí quy định: *Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai* thuộc thẩm quyền quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.
- Theo quy định tại điểm g khoản 5 Điều 166 Luật Đất đai năm 2024 thì: *Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai từ Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai.*

Theo công văn số 1663/BTNMT-CĐKDLTTĐĐ, Bộ TNMT khẳng định loại tài liệu đất đai do địa phương quản lý, thu phí hiện khác với dữ liệu đất đai thuộc Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai.

Để đảm bảo đúng quy định tại Điều 166 Luật Đất đai năm 2024, đồng bộ với các Thông tư thu phí, lệ phí hiện hành, dự thảo Thông tư cho quy định:

- *Tên Thông tư: Thông tư hướng dẫn mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai từ Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai.*
- *Phạm vi điều chỉnh: Thông tư này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai từ Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai.*
- *Đối tượng áp dụng Thông tư này áp dụng đối với người nộp phí; tổ chức thu phí; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thu, nộp quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai từ Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai.*

## **2. Người nộp phí**

**2.1. Bộ TNMT đề nghị quy định:** Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài liệu từ Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai thuộc tài sản công thì phải trả chi phí theo quy định của pháp luật.

### **2.2. Ý kiến Bộ Tài chính**

Tại khoản 5 Điều 166 Luật Đất đai quy định:

*5. Việc khai thác thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai được quy định như sau:...*

*d) Tổ chức, cá nhân không thuộc quy định tại điểm b và điểm c khoản này có nhu cầu khai thác thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai phải được sự đồng ý của cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai theo quy định của pháp luật;*

Tại khoản 1 Điều 62 dự thảo Nghị định quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai (sau đây gọi tắt là Nghị định về hệ thống thông tin đất đai) quy định: *Tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác thông tin, dữ liệu đất đai nộp phiếu yêu cầu theo Mẫu số /CCTT hoặc hợp đồng hoặc gửi văn bản yêu cầu cho cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.*

Căn cứ quy định Luật Đất đai và dự thảo Nghị định về hệ thống thông tin đất đai, dự thảo Thông tư quy định về người nộp phí tương tự các Thông tư thu phí hiện hành, cụ thể như sau:

### **Điều 2. Người nộp phí**

*Người nộp phí theo quy định tại Thông tư này là tổ chức, cá nhân tổ chức, cá nhân yêu cầu khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu, tài liệu đất đai từ Hệ thống thông tin quốc gia từ đất đai theo quy định của pháp luật.*

## **3. Tổ chức thu phí**

### **3.1. Bộ TNMT đề xuất**

- Tổ chức thu phí tại trung ương: Trung tâm Dữ liệu và Thông tin đất đai trực thuộc Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai, Bộ TNMT;

- Tổ chức thu phí tại địa phương: Các đơn vị có chức năng tiếp nhận, lưu trữ, quản lý và cung cấp thông tin tài liệu đất đai trực thuộc Sở TNMT cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai trong phạm vi địa phương.

### **3.2. Ý kiến Bộ Tài chính**

Tại Điều 170 Luật Đất đai quy định:

*“1. Bộ TNMT có trách nhiệm sau đây:*

*a) Tổ chức xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin tại trung ương và xây dựng phần mềm của Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai bảo đảm đến năm 2025 đưa Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai vào vận hành, khai thác;*

...

đ) *Kết nối, chia sẻ thông tin từ cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai với công dịch vụ công quốc gia, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu các Bộ, ngành, địa phương và cung cấp thông tin đất đai cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;*

...

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sau đây:

a) *Tổ chức xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu đất đai trong phạm vi địa phương, bảo đảm đến năm 2025 kết nối, tích hợp với cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai;*

...

c) *Chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai trong phạm vi địa phương cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;”.*

Tại khoản 6 Điều 62 dự thảo Nghị định quy định về hệ thống thông tin đất đai quy định: 6. *Thẩm quyền cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai*

a) *Cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai ở Trung ương là Trung tâm Dữ liệu và Thông tin đất đai thuộc Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai, Bộ Tài nguyên và Môi trường.*

b) *Cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai ở địa phương là Văn phòng đăng ký đất đai. Đối với địa phương chưa xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, Văn phòng đăng ký đất đai, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai từ hồ sơ địa chính theo phân cấp quản lý hồ sơ địa chính.*

Việc quy định cụ thể tên tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp thuộc các Bộ dẫn đến khi Chính phủ, các Bộ ban hành văn bản thay đổi cơ cấu tổ chức thì Bộ Tài chính phải sửa đổi Thông tư thu phí, lệ phí để đảm bảo đồng bộ. Trong thời gian qua, Bộ Tài chính đã ban hành một số thông tư sửa đổi quy định về tổ chức thu phí theo hướng quy định viện dẫn theo pháp luật chuyên ngành. Vì vậy, dự thảo Thông tư quy định tổ chức thu phí như sau:

### **Điều 3. Tổ chức thu phí**

*Tổ chức thu phí theo quy định tại Thông tư này là cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai theo quy định tại Nghị định số .../2024/NĐ-CP ngày .../.../2024 của Chính phủ quy định về hệ thống thông tin đất đai.*

### **4. Mức thu phí**

**4.1. Bộ TNMT** đề xuất thu phí đối với 06 nhóm dữ liệu trên Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai bao gồm:

(i) Cơ sở dữ liệu địa chính (gồm 7 nhóm nội dung); mức thu từ 8.200 – 1.000.000 đồng/đơn vị sản phẩm.

(ii) Cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai (gồm 2 nhóm nội dung); mức thu từ 8.200 – 4.000.000 đồng/đơn vị sản phẩm.

(iii) Cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất (gồm 2 nhóm nội dung); mức thu từ 8.200 – 4.000.000 đồng/đơn vị sản phẩm.

(iv) Cơ sở dữ liệu giá đất (gồm 2 nhóm nội dung); mức thu từ 8.200 – 2.000.000 đồng/đơn vị sản phẩm.

(v) Cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá đất đai; điều tra chất lượng đất, tiềm năng đất, thoái hóa đất (gồm 02 nội dung); mức thu từ 8.200 – 4.000.000 đồng/đơn vị sản phẩm.

(vi) Cơ sở dữ liệu hồ sơ đất đai tại Trung ương; mức thu là 8.200 đồng/đơn vị sản phẩm.

(vii) Kết quả tổng hợp, phân tích dự báo từ cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai Mức thu từ 40.900 đồng trở lên/đơn vị sản phẩm.

#### **4.2. Ý kiến Bộ Tài chính**

- Tại Đề án, Bộ TNMT đề xuất thu phí đối với tài liệu đất đai từ Hệ thống thông tin quốc gia từ đất đai; việc khai thác và sử dụng tài liệu đất đai ngoài Hệ thống thực hiện theo quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

- Tại khoản 1 Điều 165 Luật Đất đai quy định:

*1. Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai bao gồm các thành phần sau đây:*

*a) Cơ sở dữ liệu về văn bản quy phạm pháp luật về đất đai;*

*b) Cơ sở dữ liệu địa chính;*

*c) Cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất;*

*d) Cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;*

*đ) Cơ sở dữ liệu giá đất;*

*e) Cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai;*

*g) Cơ sở dữ liệu về thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai;*

*h) Cơ sở dữ liệu khác liên quan đến đất đai.*

Theo đó, cơ bản các nhóm dữ liệu do Bộ TNMT đề xuất thu phí phù hợp với quy định tại Điều 165 Luật Đất đai. Ngoài ra đã bố cục lại một số nhóm cho phù hợp với tình hình thực tế cung cấp tài liệu.

Riêng nhóm cơ sở dữ liệu về văn bản quy phạm pháp luật về đất đai; cơ sở dữ liệu về thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai được liên thông kết nối từ cơ sở dữ liệu do Bộ Tư pháp và Thanh tra Chính phủ làm chủ quản, dự kiến sẽ cung cấp theo hình thức không thu phí.

Mức thu phí theo đề xuất của Bộ TNMT được tính toán trên cơ sở chi phí để thực hiện thu phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai. Cơ cấu phí chưa bao gồm: Chi phí vật tư tiêu hao (giấy in, mực in, thiết bị lưu trữ điện tử), chi phí vận chuyển, chi phí cho dịch vụ vận chuyển, truyền tin của bên thứ 3 (nhà cung cấp dịch vụ bưu chính, nhà cung cấp nền tảng truyền dữ liệu, nhà cung cấp đầu

số tổng tài SMS) để đóng gói sản phẩm cung cấp, truyền tin cho bên đề nghị khai thác sử dụng tài liệu.

Mức thu phí tại Đề án tham chiếu mức thu phí hiện hành và định mức kinh tế kỹ thuật đối với một số loại tài liệu có tính chất tương đồng và tham khảo mức thu phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân một số tỉnh.

Ví dụ: Tài liệu không gian tham chiếu mức thu phí khai thác và sử dụng tài liệu đo đạc và bản đồ quy định tại Thông tư số 33/2019/TT-BTC ngày 20/6/2019 của Bộ Tài chính; tài liệu sản phẩm là trang tài liệu số hóa tham chiếu mức quy định tại Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28/02/2022 của Bộ TNMT quy định về kỹ thuật và định mức kinh tế kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu và tài nguyên và môi trường; tài liệu sản phẩm là thông tin thuộc tính tham chiếu mức thu phí khai thác và sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư quy định tại Thông tư số 48/2022/TT-BTC ngày 03/8/2022 của Bộ Tài chính. Tài liệu là bản đồ địa chính, trích lục thửa đất áp dụng theo mức phí trung bình quy định tại Nghị quyết thu phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai của các địa phương.

Các loại dữ liệu đề nghị thu phí của Bộ TNMT phù hợp với quy định pháp luật về đất đai và pháp luật phí. Để bù đắp chi phí cung cấp dịch vụ, Bộ Tài chính nhất trí với mức thu phí do Bộ TNMT đề xuất.

## **5. Về miễn, giảm phí**

### **5.1. Bộ TNMT đề xuất:**

a) Thực hiện chế độ miễn, giảm phí cho các đối tượng theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí;

b) Ngoài ra, đề xuất thêm một số đối tượng như sau:

- Miễn phí đối với trường hợp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản đề nghị khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đất đai để phục vụ:

+ Mục đích quốc phòng, an ninh trong tình trạng khẩn cấp;

+ Phòng, chống thiên tai trong tình trạng khẩn cấp: Được xác định theo quy định của Luật quốc phòng và pháp luật về phòng, chống thiên tai.

- Miễn phí cho các Bộ, ngành, địa phương khi kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia đất đai với các cơ sở dữ liệu quốc gia khác, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương để chia sẻ thông tin, dữ liệu đất đai phục vụ hoạt động của các cơ quan nhà nước và giải quyết thủ tục hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

- Mức thu phí bằng 60% mức phí tương ứng tại Biểu mức phí ban hành đối với trường hợp Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản đề nghị khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu môi trường cho mục đích quốc phòng, an ninh.

## **5.2. Ý kiến Bộ Tài chính**

- Tại khoản 1 Điều 10 Luật Phí và lệ phí quy định: *Các đối tượng thuộc diện miễn, giảm phí, lệ phí bao gồm trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và một số đối tượng đặc biệt theo quy định của pháp luật.*

- Theo điểm c và điểm d khoản 5 Điều 166 Luật Đất đai thì: *Chủ thể khai thác thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai có người sử dụng đất khai thác thông tin của mình trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai, các cá nhân khác có nhu cầu khai thác thông tin và được sự đồng ý của cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.*

Bộ TNMT cho biết, nội dung miễn, giảm phí nêu trên dự kiến được quy định tại dự thảo Nghị định về hệ thống thông tin đất đai. Vì vậy, Bộ Tài chính nhất trí với nội dung miễn, giảm phí như đề xuất của Bộ TNMT. Sau khi Nghị định quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai được ban hành, Bộ Tài chính sẽ rà soát và quy định nội dung miễn, giảm phí phù hợp.

Dự thảo Thông tư quy định về miễn giảm phí như sau:

2. *Trường hợp Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản đề nghị khai thác, sử dụng tài liệu đất đai cho mục đích quốc phòng, an ninh theo quy định của Luật Quốc phòng thì mức thu phí bằng 60% mức phí tương ứng tại Biểu mức phí; trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.*

3. *Miễn phí đối với các trường hợp sau:*

a) *Các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật Phí và lệ phí khai thác thông tin của mình và khai thác thông tin người sử dụng đất khác khi được sự đồng ý của cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai theo quy định pháp luật về đất đai.*

b) *Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản đề nghị khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đất đai để phục vụ:*

- *Mục đích quốc phòng, an ninh trong tình trạng khẩn cấp theo quy định của Luật Quốc phòng;*

- *Phòng, chống thiên tai trong tình trạng khẩn cấp theo quy định pháp luật về phòng, chống thiên tai.*

## **6. Về kê khai, nộp phí**

Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 74/2022/TT-BTC ngày 22/12/2022 quy định hình thức, thời hạn thu, nộp, kê khai các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quy định của Bộ Tài chính. Trong đó, đã quy định cụ thể hình thức khai,

nộp phí, lệ phí của tổ chức thu và người nộp phí, lệ phí đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Bộ Tài chính.

Hiện các Thông tư thu phí, lệ phí đều dẫn chiếu kê khai, nộp phí theo quy định tại Thông tư số 74/2022/TT-BTC. Để bảo đảm thống nhất, Bộ Tài chính quy định thu, nộp phí tại Điều 4 dự thảo Thông tư như sau:

*“1. Người nộp phí khi yêu cầu khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu, tài liệu đất đai từ Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai theo mức thu quy định cho tổ chức thu phí theo hình thức quy định tại Thông tư số 74/2022/TT-BTC ngày 22/12/2022.*

*2. Chậm nhất là ngày 05 hằng tháng, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu của tháng trước vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách của tổ chức thu phí mở tại KBNN. Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, thu, nộp và quyết toán phí theo quy định tại Thông tư số 74/2022/TT-BTC (tiền phí do tổ chức thu phí thuộc Trung ương quản lý thu nộp vào ngân sách trung ương; tiền phí do tổ chức thu phí thuộc địa phương quản lý thu nộp vào ngân sách địa phương)”.*

## **7. Về quản lý và sử dụng phí**

### **7.1. Bộ TNMT đề xuất**

- Tổ chức thu phí tại Trung ương: Trung tâm Dữ liệu và Thông tin đất đai thuộc Cục Đăng ký và Dữ liệu Thông tin đất đai thuộc Bộ TNMT là 70%, phần còn lại 30% cơ quan thu phí nộp vào ngân sách nhà nước để quản lý.

- Tổ chức thu phí tại địa phương: Do đơn vị chủ quản là Sở TNMT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề xuất và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định theo quy định của Luật Phí và lệ phí.

### **7.2. Ý kiến Bộ Tài chính**

Tại điểm g khoản 5 Điều 166 Luật Đất đai 2024 quy định: *“Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai từ Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai”.*

Căn cứ quy định nêu trên, việc quy định quản lý và sử dụng phí thuộc thẩm quyền của Bộ Tài chính. Đề xuất HĐND cấp tỉnh quyết định tỷ lệ để lại phí cho tổ chức thu phí tại địa phương là không có cơ sở

Tại Đề án, Bộ TNMT chỉ cung cấp số liệu dự kiến thu – chi từ nguồn phí ở Trung ương. Theo đó, Trung tâm Dữ liệu và Thông tin đất đai trực thuộc Cục Đăng ký và Thông tin Dữ liệu đất đai, Bộ TNMT là đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ kinh phí hoạt động thường xuyên là đơn vị được Bộ TNMT giao cung cấp dịch vụ và thu phí:

Theo số liệu Bộ TNMT cung cấp thì:

- Số thu dự kiến: 5,0 tỷ đồng.
- Số chi dự kiến: 3,5 tỷ đồng.



Căn cứ Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Nghị định số 82/2023/NĐ-CP) thì tỷ lệ để lại cho tổ chức thu phí được xác định như sau:  $3,5 \text{ tỷ đồng} / 5,0 \text{ tỷ đồng} \times 100\% = 70\%$ .

Theo quy định tại Luật Phí và lệ phí, Nghị định số 82/2023/NĐ-CP thì tổ chức thu phí được để lại một phần tiền phí thu được để trang trải chi phí cung cấp dịch vụ, thu phí. Đây là khoản thu phí mới, dự toán thu – chi năm 2024 của tổ chức thu phí chưa tính đến hoạt động này. Do đó, cần thiết để lại một phần tiền phí cho tổ chức thu.

Vì vậy, dự thảo Thông tư quy định để lại cho tổ chức thu phí 70% và nộp NSNN 30% số tiền phí thu được.

## **8. Về thủ tục hành chính**

Dự thảo Thông tư không quy định thủ tục hành chính theo quy định của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính.

## **9. Về nguồn lực, tài chính thực hiện Thông tư**

Hoạt động cung cấp dữ liệu đất đai được quy định tại pháp luật về đất đai. Thu phí là một khâu công việc trong hoạt động cung cấp dữ liệu đất đai do cơ quan quản lý cung cấp (cơ quan TNMT).

Vì vậy, hoạt động thu phí cơ bản không phát sinh thêm nguồn nhân lực, tài chính thực hiện Thông tư./.

**BỘ TÀI CHÍNH**